

Số: 154/2019/QĐST-HNGĐ

Yên Thành, ngày 27 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH – NGHỆ AN

Căn cứ vào các Điều 212; 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54; 55; khoản 1 Điều 59; 81; 82; 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 16/5/2019 của trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An và đơn yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 218/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Đinh Thị V - sinh ngày 01/5/1982.

Trú tại: Xóm 6, xã B, huyện Y, tỉnh N.

2. Anh Nguyễn Hữu D - sinh ngày 13/10/1981.

Trú tại: Xóm 6, xã B, huyện Y, tỉnh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị V và anh Nguyễn Hữu D kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Y, tỉnh N vào ngày 04/5/2009. Quá trình chung sống hai bên không hòa hợp được với nhau dẫn đến xảy ra cãi vã, xích mích. Nay vợ chồng đã sống ly thân hai bên không còn quan tâm, không có trách nhiệm gì với nhau nữa. Thấy rằng, mâu thuẫn giữa

vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị V và anh Nguyễn Hữu D.

[2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn N, sinh ngày 23/12/2009 (giới tính: nữ) và cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 24/12/2018 (giới tính: nữ). Chị Đinh Thị V và anh Nguyễn Hữu D thỏa thuận giao hai con chung cháu Nguyễn N và cháu Nguyễn Kim N cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Nguyễn Hữu D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V hàng tháng số tiền là 500.000 đồng/cháu (1.000.000 đồng/2 cháu). Xét thấy sự thỏa thuận giữa chị V và anh D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật cũng như đảm bảo cho sự phát triển của con chung, do đó cần chấp nhận sự thỏa thuận trên.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị Đinh Thị V và anh Nguyễn Hữu D không yêu cầu giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Đinh Thị V và anh Nguyễn Hữu D thỏa thuận, chị V sẽ chịu toàn bộ lệ phí Dân sự sơ thẩm theo quy định. Sự thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, do đó cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị V và anh Nguyễn Hữu D.

- Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn N, sinh ngày 23/12/2009 (giới tính: nữ) và cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 24/12/2018 (giới tính: nữ) cho chị Đinh Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến lúc con chung trưởng thành.

Anh Nguyễn Hữu D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V hàng tháng số tiền là 500.000đồng/cháu/tháng (2 cháu là 1.000.000 đồng/tháng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến lúc con chung trưởng thành.

Anh Nguyễn Hữu D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: chị Đinh Thị V và anh Nguyễn Hữu D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Các vấn đề khác: Không

2. Về lệ phí: Chị Đinh Thị V nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm. Lệ phí của chị V được tính trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị V đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Thành (Biên lai thu tiền số: 0003701 ngày 16 tháng 5 năm 2019). Chị Đinh Thị V đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND h.Yên Thành
- UBND xã B (ĐKKH)
- Lưu Hồ sơ việc dân sự.

Hồ Sỹ Cường